

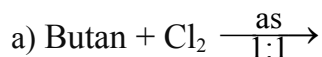
Họ và tên:.....Lớp 11A

Cho nguyên tử khối: H = 1; C = 12; O = 16; Na = 23; Br = 80; Ag = 108.

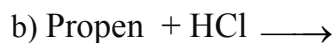
Mã đề 004

A. BÀI TẬP TỰ LUẬN (5,0 điểm)

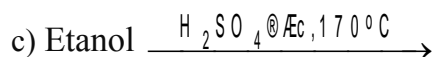
Câu 1: (2,0 điểm) Hoàn thành các phản ứng sau (chỉ viết phương trình phản ứng tạo ra *sản phẩm chính*)



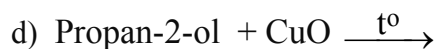
.....
.



.....
.



.....
.



.....
.

Câu 2: (3,0 điểm) Hỗn hợp X gồm propen và but-1-in.

- Cho m gam X tác dụng với lượng dư dung dịch AgNO₃ trong NH₃ thu được 8,05 gam kết tủa.
- Cho m gam X tác dụng với nước Br₂ dư, lượng Br₂ tham gia phản ứng tối đa là 24 gam.

a) Viết phương trình phản ứng.

b) Tính m và thành phần phần trăm thể tích mỗi khí trong X.

.....
.
.....
.
.....
.
.....
.

B. BÀI TẬP TNKQ (5,0 điểm) Chọn đáp án đúng viết vào bảng sau

Câu	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
Chọn																					

Câu 1: Ankan X có công thức phân tử là C_5H_{12} , X tác dụng với Cl_2 , thu được 4 dẫn xuất monoclo. X là
A. pentan. **B. 2-metylbutan.** C. neopentan. D. 2-metylpentan.

Câu 2: Tỉ khối hơi của ankin X so với H_2 bằng 20. Công thức phân tử của X là
A. C_3H_8 . **B. C_3H_4 .** C. C_4H_4 . D. C_2H_4 .

Câu 3: Tên thay thế của CH_3CH_3 là
A. etan. B. propen. C. propan. D. butan.

Câu 4: Cho phản ứng: $HC\equiv CH + 2AgNO_3 + 2NH_3 \longrightarrow X\downarrow + 2NH_4NO_3$. Công thức của X là
A. $AgC\equiv CAg$. B. $AgHC=CHAg$. C. $HC\equiv CAg$. D. $CH_3-C\equiv CAg$.

Câu 5: Ancol X phản ứng với $Cu(OH)_2$, thu được dung dịch màu xanh lam. X là ancol nào sau đây?
A. CH_3-CH_2-OH . **B. $HO-CH_2-CH_2-CH_2-OH$.**
C. $(CH_3)_2CH-OH$. **D. $HO-CH_2-CH_2-OH$.**

Câu 6: Cho các chất: propan, propen, etin, 2-metylbuta-1,3-đien, vinylaxetilen. Số chất phản ứng với dung dịch $KMnO_4$ ở điều kiện thường là
A. 2. B. 3. **C. 4.** D. 5.

Câu 7: Ancol nào sau đây thuộc loại ancol bậc II?
A. butan-1-ol. B. metylpropan-2-ol. **C. propan-2-ol.** D. etanol.

Câu 8: Ancol metylic phản ứng với Na tạo ra
A. CH_3ONa và H_2 . B. C_2H_5ONa và H_2O . C. CH_3Na và H_2O . D. C_2H_5ONa và H_2 .

Câu 9: Đốt cháy hoàn toàn m gam ankin X, thu được 0,3 mol CO_2 và 0,25 mol H_2O . Giá trị của m là
A. 4,3. B. 4,0. **C. 4,1.** D. 4,2.

Câu 10: Cho 3,2 gam ancol X (no, đơn chức, mạch hở) phản ứng hoàn toàn với Na dư, thu được 1,12 lít khí H_2 (đktc). Công thức phân tử của X là
A. $C_3H_8O_3$. B. C_2H_6O . **C. CH_4O .** D. C_3H_8O .

Câu 11: Cho 6,2 gam hỗn hợp X gồm metanol và propan-1-ol tác dụng với Na(đư), thu được 1,68 lít H₂ (đktc). Thành phần phần trăm khối lượng metanol trong X là

- A. 25,8%. B. 48,4%. C. 51,6%. D. 50,0%.

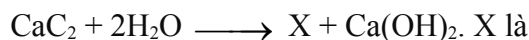
Câu 12: Đun hỗn hợp hai ancol no, đơn chức với H₂SO₄ đặc ở 140°C. Số ete thu được tối đa là

- A. 2. B. 1. C. 4. D. 3.

Câu 13: Biết 4,2 gam anken X phản ứng vừa đủ với 0,1 mol H₂. Công thức của X là

- A. C₅H₁₀. B. C₃H₆. C. C₄H₈. D. C₂H₄.

Câu 14: Cho sơ đồ phản ứng điều chế khí X:



- A. C₂H₄. B. CH₄. C. C₃H₆. D. C₂H₂.

Câu 15: Số đồng phân cấu tạo mạch hở ứng với công thức phân tử C₄H₆ là

- A. 3. B. 6. C. 5. D. 4.

Câu 16: Đốt cháy hoàn toàn 1 mol ankan X, thu được 2 mol CO₂. Công thức phân tử của X là

- A. C₃H₈. B. C₂H₆. C. C₃H₄. D. C₃H₆.

Câu 17: Công thức chung của ankin là

- A. C_nH_{2n-2} (n ≥ 2). B. C_nH_{2n+2} (n ≥ 1). C. C_nH_{2n} (n ≥ 2). D. C_nH_{2n-6} (n ≥ 6).

Câu 18: Để phân biệt CH₂=CH₂ với HC≡CH bằng phương pháp hóa học, dùng thuốc thử là dung dịch

- A. quỳ tím. B. phenolphthalein. C. NaCl. D. AgNO₃ trong NH₃.

Câu 19: Chất X mạch hở, công thức phân tử là C₆H₁₀. Cho X tác dụng với lượng dư dung dịch AgNO₃ trong NH₃, thu được kết tủa Y. Biết M_Y - M_X = 107. Số công thức cấu tạo phù hợp của X là

- A. 2. B. 3. C. 1. D. 4.

Câu 20: Đốt cháy hoàn toàn m gam ancol đơn chức X, thu được 0,3 mol CO₂ và 0,4 mol H₂O. Mặt khác, đun nóng m gam X với H₂SO₄ đặc ở 140°C, thu được lượng ete tối đa là

- A. 6,0 gam. B. 5,1 gam. C. 4,2 gam. D. 4,4 gam.

----- HẾT -----